

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 22-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân
Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Địa chỉ: Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trường N – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (có mặt).

Địa chỉ: Số Y Trần Hưng Đ, phường Z, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Lâm T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Võ Minh H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Võ Thành V, xã An Thạnh N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thanh T (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Tạ Thị Bích T1 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Lê Thị Lệ T2, sinh năm 1960 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số M, khóm N, phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P và tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Trường N trình bày:

Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh S đã cho bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H vay tiền như sau:

Tại Hợp đồng tín dụng số 25238/21MN/HĐTD ngày 15/6/2021, khế ước nhận nợ số 25238/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 16/6/2021: Số tiền vay 1.900.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, từ ngày 17/6/2021 đến ngày 16/6/2031. Lãi suất 7%/năm và có thể được ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư trang trại chăn nuôi.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 590, 592, tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 3.898m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX885727, CX885714 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/01/2021. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 19722/21MN/HĐBĐ ngày 15/6/2021 hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Văn N. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Sóc Trăng ngày 15/6/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà K, ông H trả nợ nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/6/2023, tổng số tiền bà K, ông H nợ ngân hàng là 2.128.130.328 đồng, trong đó gồm vốn gốc 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn 223.309.672 đồng và lãi quá hạn 4.820.656 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/01/2024 số tiền bà K, ông H nợ ngân hàng là 2.304.467.432 đồng, trong đó gồm vốn gốc 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn 384.237.070 đồng và lãi quá hạn 20.230.362 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà K, ông H trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên. Ngoài ra, yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không thực hiện trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T có lời trình bày:

Thửa đất số 590 ông và bà Lê Thị Lệ T2 thoả thuận mua bán, sau đó hai bên thống nhất huỷ hợp đồng, bà T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 208.000.000 đồng và lãi suất 1% đến ngày bà T2 giao tiền cho ông, khi bà T2 trả tiền thì ông mới giao đất nhưng cho đến nay bà T2 không giao tiền nên đất ông vẫn quản lý, sử dụng. Việc thoả thuận mua bán giữa ông và bà T2 đã huỷ bỏ, theo thoả thuận bà T2 giao tiền thì ông giao đất nên khi Ngân hàng phát mãi tài sản thì bà T2 phải có nghĩa vụ giao tiền cho ông, ông mới giao đất lại cho phát mãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Bích T1 có lời trình bày:

Vợ chồng bà có mua của bà Lê Thị Lệ T2 thửa đất số 590, tờ bản đồ số 04, toạ lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với diện tích khoảng 2 công 4 với giá 360.000.000 đồng có lập giấy tay vào ngày 12/4/2016, giấy tay do bà T2 làm. Đến năm 2019, bà T2 khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên. Tại Tòa án huyện L hai bên thống nhất huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng đối với diện tích 2.400m² thửa 590 nêu trên, bà T2 trả lại cho vợ chồng bà số tiền đã nhận cọc và tiền vay là 208.000.000 đồng, trong đó tiền đặt cọc đất là 60.000.000 đồng, tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi 48.000.000 đồng. Sau khi bà T2 trả đủ tiền thì vợ chồng bà trả lại đất cho bà T2. Tuy nhiên, đến nay bà T2 chưa trả tiền nên vợ chồng bà vẫn đang sử dụng đất. Nay bà và ông T thống nhất ý kiến yêu cầu bà T2 trả số tiền 208.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ ngày 06/5/2020 đến nay, không yêu cầu về phần đất, nếu bà T2 trả tiền thì bà giao trả đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T2 có lời trình bày:

Bà có bán cho ông Trần Thanh T và bà Tạ Thị Bích T1 diện tích 2.400m² thửa 590, tờ bản đồ 04, toạ lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với giá 360.000.000 đồng, đã nhận cọc 60.000.000 đồng, việc mua bán có làm giấy tay ngày 12/4/2016. Đến năm 2019 bà và vợ chồng ông T, bà T1 thống nhất huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, bà trả lại tiền cọc 60.000.000 đồng cho vợ chồng ông T vào ngày 06/5/2020 thì sẽ huỷ hợp đồng chuyển nhượng đất. Sau đó bà thực hiện chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị K ở ấp Tân L, xã Lâm T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/5/2021, bà chuyển nhượng cho bà K thửa 590 và 592, tờ bản đồ số 04, toạ lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, bà K cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà thống nhất còn nợ tiền bà T1 và đồng ý trả cho bà T1 theo thoả thuận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị K có nơi cư trú tại ấp Tân L, xã Lâm T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị K, ông Võ Minh H vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T2, bà Tạ Thị Bích T1 và ông Trần Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần 02, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nêu trên.

Tại các biên bản tổng đạt, niêm yết của Tòa án, chính quyền địa phương xác định bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H đều vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, không rõ địa chỉ hiện nay. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bà K, ông H là người có nghĩa vụ trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng, đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới, căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Bị đơn cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải được, việc vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh S có cho bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H vay số tiền 1.900.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tín dụng số 25238/21MN/HĐTD ngày 15/6/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 25238/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 16/6/2021, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 17/6/2021, đến hạn ngày 16/6/2031. Mục đích vay để đầu tư trang trại chăn nuôi. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Điều 2, Điều 4, Điều 8 trong hợp đồng và vi phạm quy định pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K, ông H trả nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà K, ông H còn nợ Ngân hàng TMCP P tổng số tiền 2.304.467.432 đồng, trong đó gồm vốn gốc 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn 384.237.070 đồng và lãi quá hạn 20.230.362 đồng. Do đó, Hội đồng

xét xử buộc bà K, ông H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/01/2024 là 2.304.467.432 đồng. Ngoài ra, buộc bà K, ông H tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 23/01/2024 đến ngày thanh toán xong nợ.

[3] Đối với việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay nêu trên, bà K, ông H đã thế chấp tài sản đảm bảo là diện tích đất 3.221m² thửa 590 (loại đất trồng cây hàng năm khác) và 677m² thửa 592 (loại đất trồng cây lâu năm) cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 19722/21MN/HĐBĐ ngày 15/6/2021, được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ số C N, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 885727 (số vào sổ CS04875) và số CX 885714 (số vào sổ CS04874) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ký xác nhận ngày 21/5/2021 cho bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng.

Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản thế chấp và hiện tại vợ chồng ông Trần Thanh T và bà Tạ Thị Bích T1 đang quản lý thửa 590. Ông T, bà T1 trình bày thửa đất trên nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Lệ T2, nhưng sau đó đôi bên thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng, hiện bà T2 còn nợ số tiền 208.000.000 đồng chưa giao trả nên ông, bà chưa trả đất cho bà T2. Bà Lê Thị Lệ T2 trình bày bà có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông T, bà T1 và đôi bên có thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất, bà còn nợ ông T, bà T1 số tiền như ông T, bà T1 trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi đôi bên hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất thì ngày 21/5/2021 bà đã chuyển nhượng cho bà K 02 thửa đất gồm thửa 590 và 592, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và bà K đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, bà K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 590 và 592 nên bà K đã thế chấp 02 thửa đất trên cho Ngân hàng, việc ông T, bà T1 đang sử dụng, quản lý tài sản mà bà K đã thế chấp cho Ngân hàng tại thửa 590 là không phù hợp quy định của pháp luật. Còn với hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với bà K, ông H ký kết với nhau đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, đã đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Trường hợp bà K, ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Đối với ông Trần Thanh T và bà Tạ Thị Bích T1 đang quản lý tài sản không đúng quy định pháp luật phải có nghĩa vụ giao đất cho cơ quan có thẩm quyền để phát mãi tài sản, trường hợp có phát sinh tranh chấp với bà Lê Thị Lệ T2 thì có quyền khởi kiện bà T2 ở vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị

đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí thẩm định 1.100.000 đồng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền này, sau khi bị đơn nộp xong hoàn trả toàn bộ cho nguyên đơn, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 299, 317, 318, 319, 320, 324 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vốn vay 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn 384.237.070 đồng và lãi quá hạn 20.230.362 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 2.304.467.432 đồng.

Bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/01/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng số 25238/21MN/HĐTD ngày 15/6/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 25238/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 16/6/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H không thực nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 19722/21MN/HĐBĐ ngày 15/6/2021.

Khi xử lý tài sản thế chấp người đang quản lý, sử dụng tài sản có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Buộc ông Trần Thanh T và bà Tạ Thị Bích T1 có nghĩa vụ bàn giao thửa đất số 590 tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Mười C, xã Long P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 78.089.348 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.281.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008192 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H có nghĩa vụ nộp tiền chi phí thẩm định 1.100.000 đồng, sau khi bà Nguyễn Thị K và ông Võ Minh H nộp xong thì hoàn trả toàn bộ cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 1.100.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp